

通知

修改、補充公安部部長於2021/5/15頒布詳細規定《居住法》若干條款和實施措施之第55/2021/TT-BCA號通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA號通知修改、補充）；公安部部長於2021/5/15頒布規定關於居住登記、管理之表格之第56/2021/TT-BCA號通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA號通知修改、補充）；公安部部長於2024/5/15頒布詳細規定《身份證法》若干條款和實施措施之第17/2024/TT-BCA號通知

根據2020年11月13日《居住法》；

根據2023年11月27日《身份證法》；

根據政府於2025年2月18日頒布規定關於公安部的職能、任務、權限及組織架構之第02/2025/NĐ-CP號議定；

應社會秩序行政管理公安局局長的建議；

公安部部長頒布修改、補充公安部部長於2021/5/15頒布詳細規定《居住法》若干條款和實施措施之第55/2021/TT-BCA號通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA號通知修改、補充）；公安部部長於2021/5/15頒布規定關於居住登記、管理之表格之第56/2021/TT-BCA號通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA號通知修改、補充）；公安部部長於2024/5/15頒布詳細規定《身份證法》若干條款和實施措施之第17/2024/TT-BCA號通知之通知。

第一條：修改、補充公安部部長於2021/5/15頒布詳細規定《居住法》若干條款和實施措施之第55/2021/TT-BCA號通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA號通知修改、補充）之若干條款

1. 修改、補充第3條第2款、第3款如下：

「2. 若公民親自至居住登記機關提交文件，則須提供以下資訊：姓氏、中間名與出生名字、出生年月日、個人識別號碼、居住地及有關符合居住登記條件的相關資訊。接收人員將查詢、調取《國家人口資料庫》以及其他相關資料庫、資訊系統中的公民資訊，以建立居住登記檔案。完成提交申請後，辦理線上居住登記申請人將獲發一組行政手續申請編號，以便追蹤與查詢辦理進度。公民有責任出示用以證明其所申報資訊的原始文件或資料，以供居住登記機關查驗、比對，並在進行驗證時記錄於報告中以確保資訊之準確性。

3. 若以線上方式辦理居住登記，公民依據所提供的電子表格填報資訊，以及上傳與符合居住登記條件相關的資訊與文件，並透過線上支付功能繳納相關費用。完成提交申請後，辦理線上居住登記申請人將獲發一組行政手續申請編號，以便追蹤與查詢辦理進度。公民有責任出示用以證明其所申報資訊的原始文件或資料，以供居住登記機關查驗、比對，並在進行驗證時記錄於報告中以確保資訊之準確性。」

2. 修改、補充第8條第2款如下：

「2. 關於照顧、撫養、援助之相關證明文件，包括以下其中一項：社級人委會出具的照顧、撫養證明書；社會救助機構負責人出具的接收決定書；社級人委會出具的援助決定書或依法律規定的其他相關文件或資料。」

3. 修改、補充第9條第1款如下：

「1. 准予入籍越南的外國人在首次辦理常住登記、暫住登記或申報居住資訊時，須具備國家主席簽發的准予入籍越南之決定書。准予回復越南國籍的越裔人士，在首次辦理常住登記、暫住登記或申報居住資訊時，亦須具備國家主席簽發的准予回復越南國籍之決定書，除非其資訊已可自國籍資料庫中查詢取得。」

4. 修改、補充第22條第7款如下：

「7. 指導、檢查並指導社級公安辦理居住登記與管理工作；對刑滿釋放在地方居住的人士指引辦理居住登記以利其重新融入社會；管理、運行並開發利用居住資訊資料庫。」

5. 修改、補充第24條如下：

「第24條：社級公安的責任

1. 履行《居住法》第33條所規定之責任。

2. 按照職權收集、更新、修訂公民之資訊，並登入居住資料庫及國家人口資料庫。

3. 配合直接管理轄當地經營道路、鐵路、內陸水路客運服務的機關、組織、個人，對這些交通工具上的駕駛員和工作人員的居住情況進行核查和統計，以便服務於居住管理及預防犯罪工作。

4. 依據上級公安之規定，執行其他相關之居住管理業務。

5. 定期或不定期開展居住狀況之檢查。」

6. 刪除第9條、第22條及第27條中「中央直屬」一詞。

7. 廢除第23條。

第二條：修改、補充隨附公安部部長於2021/5/15頒布規定關於居住登記、管理之表格之第56/2021/TT-BCA號通知（由2023/11/17第66/2023/TT-BCA號通知修改、補充）中之若干表格

1. 以隨附本通知之CT01號「居住資訊變更申報表」替代原隨第56/2021/TT-BCA號通知頒布之CT01號表格。
2. 以隨附本通知之CT02號「居住資訊變更申報表」（適用於無有效期越南護照的海外定居越南公民）替代原隨第56/2021/TT-BCA號通知頒布之CT02號表格。
3. 以隨附本通知之CT03號「臨時缺席申報表」替代原隨第56/2021/TT-BCA號通知頒布之CT03號表格。
4. 以隨附本通知之CT12號「居住登記與管理情況及結果統計表」替代原隨第56/2021/TT-BCA號通知頒布之CT12號表格。
5. 以隨附本通知之CT15號「居住檔案交接追蹤簿」替代原隨第56/2021/TT-BCA號通知頒布之CT15號表格。
6. 以隨附本通知之CT16號「身份與居住資料查詢使用追蹤簿」替代原隨（由公安部部長於2024/5/15頒布規定關於公民身分證的簽發、更換及補發流程之第18/2024/TT-BCA號通知修改、補充之）第56/2021/TT-BCA號通知頒布之CT16號表格。
7. 廢止隨附第56/2021/TT-BCA號通知之CT13號「居住檔案袋樣式」。
8. 刪除第7條中「中央直屬」一詞。

第三條：修改、補充公安部部長於2024/5/15頒布詳細規定《身份證法》若干條款和實施措施之第17/2024/TT-BCA號通知之若干條款

1. 修改、補充第5條如下：

「第五條：國家人口資料庫及身分證資料庫中有關出生地、出生登記地、籍貫、民族、宗教的資訊

1. 對於在國家人口資料庫或身分證資料庫中尚有或尚未完整記載出生地、出生登記地、籍貫等資訊中社級、省級行政區名稱的情況，身分證管理機關要求公民提供由審權機關簽發載有完整該等資訊的文件或資料，以進行收集、更新、調整，納入國家人口資料庫及身分證資料庫。出生地、出生登記地、籍貫等資訊應依據出生證明上的資訊記載；若行政區名稱已變更，則依新變更後的行政區名稱記載，並註明出生證明上的原始資訊。

若公民所提供的文件、資料未能完整顯示社、社級或省級的行政區名稱，則身分證管理機關要求公民提供相關資訊並出具承諾書，對其所提供的出生地、出生登記地、籍貫等資訊

負責。身分證管理機關有責任與戶籍管理機關及其他相關機關配合，進行核查與驗證，以確保資訊在收集、更新與調整至國家人口資料庫及身分證資料庫前的準確性與一致性。

2. 若公民身分證上尚未載有民族、宗教資訊，或雖已收集但公民提出更新、調整申請的，身分證管理機關有責任依據《身分證法》第10條的規定辦理更新與調整。

所更新、調整至國家人口資料庫與身分證資料庫的民族與宗教資訊，須屬於經審權機關頒布並承認的民族、宗教名錄。」

2. 修改、補充第15條如下：

「第十五條：社級公安的責任

1. 收集、更新、調整有關公民以及尚未確定國籍的越裔人士之資訊，納入國家人口資料庫與身分證資料庫；對國家人口資料庫與身分證資料庫中的資訊進行標準化、數位化與開發利用；管理身分證及身分證證明文件。

2. 掌握情況、統計與清查尚未領取身分證或身分證證明文件之公民與尚未確定國籍的越裔人士。

3. 組織辦理受理申請簽發身分證、身分證證明文件之相關工作；依法檢查公民與尚未確定國籍越裔人士對身分證、身分證證明文件之使用情況。

4. 解決與人口國家資料庫、身分證資料庫中資訊的收集、更新、調整、查詢，以及身分證的發放與管理工作相關的投訴與檢舉，在職責範圍內予以處理。

5. 定期或不定期向省級公安報告所轄區域內有關身分證發放與管理工作的情況。」

3. 對隨附第17/2024/TT-BCA號通知的一些表格進行更換，具體如下：

a) 以隨附本通知之DC01號「人口資訊收集表」替代隨附第17/2024/TT-BCA號通知之DC01號表格；

b) 以隨附本通知之CC03號「拒絕辦理身分證手續通知書」替代隨附第17/2024/TT-BCA號通知之CC03號表格。

4. 刪除第17條中「中央直屬」一詞。。

5. 廢止第14條。

第四條：實施效力

本通知自2025年7月1日起生效。

第五條：實施責任

1. 社會秩序行政管理警察局局長負責督導、指導、檢查並推動各單位與地方公安開展落實本通知。
2. 公安部所屬各單位首長、省、市公安經理負責執行本通知。
3. 在本通知執行過程中，如遇困難或障礙，各單位與地方公安機關向公安部（透過社會秩序行政管理警察局）報告，以便及時獲得指導。

收件處：

- 公安部次長各同志；
- 部級機關下屬單位；
- 省、市公安；
- 公報；
- 政府電子資訊門戶、公安部電子資訊門戶；
- 存檔：文書、V03、C06。

部長

（已簽名蓋章）

大將梁三光

~ 恒利翻譯，謹供參考 ~

Số: 53/2025/TT-BCA

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 55/2021/TT-BCA NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT CƯ TRÚ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 66/2023/TT-BCA NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2023; THÔNG TƯ SỐ 56/2021/TT-BCA NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN QUY ĐỊNH VỀ BIỂU MẪU TRONG ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 66/2023/TT-BCA NGÀY 17 THÁNG 11 NĂM 2023; THÔNG TƯ SỐ 17/2024/TT-BCA NGÀY 15 THÁNG 5 NĂM 2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT CĂN CƯỚC

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 3 như sau:

“2. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú thì công dân cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú và những thông tin về điều kiện đăng ký cư trú. Cán bộ tiếp nhận thực hiện tra cứu, khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan để tạo lập hồ sơ đăng ký cư trú. Sau khi hoàn tất việc nộp hồ sơ, người có yêu cầu đăng ký cư trú trực tuyến được cấp 01 mã số hồ sơ thủ tục hành chính để theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ. Công dân có trách nhiệm xuất trình bản gốc giấy tờ, tài liệu chứng minh thông tin đã kê khai để cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra, đối chiếu và ghi nhận tính chính xác vào biên bản khi thực hiện xác minh.

3. Trường hợp thực hiện đăng ký cư trú trực tuyến, công dân khai báo thông tin theo biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn và những thông tin, tài liệu về điều kiện đăng ký cư trú; nộp lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến. Sau khi hoàn tất việc nộp hồ sơ, người có yêu cầu đăng ký cư trú trực tuyến được cấp 01 mã số hồ sơ thủ tục hành chính để theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ. Công dân có trách nhiệm xuất trình bản gốc giấy tờ, tài liệu chứng minh thông tin đã kê khai để cơ quan đăng ký cư trú kiểm tra, đối chiếu và ghi nhận tính chính xác vào biên bản khi thực hiện xác minh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Giấy tờ, tài liệu xác nhận về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp gồm một trong các giấy tờ sau: xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; quyết định tiếp nhận của người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội; quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc giấy tờ, tài liệu khác theo quy định của pháp luật.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Người nước ngoài được nhập quốc tịch Việt Nam khi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú lần đầu phải có Quyết định của Chủ tịch nước về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam. Người gốc Việt Nam được trở lại quốc tịch Việt Nam khi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, khai báo thông tin về cư trú lần đầu sau khi được cho trở lại quốc tịch Việt Nam phải có Quyết định của Chủ tịch nước về việc cho trở lại quốc tịch Việt Nam trừ trường hợp đã khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc tịch.”.

4. Sửa đổi khoản 7 Điều 22 như sau:

“7. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn Công an cấp xã về đăng ký, quản lý cư trú; hướng dẫn đăng ký cư trú đảm bảo

tái hoà nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt tù về cư trú tại địa phương; quản lý, vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu về cư trú.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Trách nhiệm của Công an cấp xã

1. Thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Điều 33 Luật Cư trú.
2. Thu thập, cập nhật chính sửa thông tin về công dân vào Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo thẩm quyền;
3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý phương tiện đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách trên địa bàn quản lý để rà soát, thống kê tình trạng cư trú của người điều khiển và nhân viên trên các phương tiện này để phục vụ công tác quản lý cư trú, phòng ngừa tội phạm.
4. Thực hiện các việc khác về quản lý cư trú theo quy định của Công an cấp trên.
5. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra cư trú.”.
6. Bỏ cụm từ “trực thuộc Trung ương” tại Điều 9, Điều 22 và Điều 27.
7. Bãi bỏ Điều 23.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023 (sau đây viết gọn là Thông tư số 56/2021/TT-BCA)

1. Thay thế biểu mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA bằng biểu mẫu Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, ký hiệu là CT01 ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Thay thế biểu mẫu CT02 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA bằng biểu mẫu Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (dùng cho công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài không có hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng), ký hiệu là CT02 ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Thay thế biểu mẫu CT03 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA bằng biểu mẫu Phiếu khai báo tạm vắng, ký hiệu là CT03 ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Thay thế biểu mẫu CT12 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA bằng biểu mẫu Thống kê tình hình, kết quả đăng ký, quản lý cư trú, ký hiệu là CT12 ban hành kèm theo Thông tư này.
5. Thay thế biểu mẫu CT15 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA bằng biểu mẫu Sổ theo dõi giao, nhận hồ sơ cư trú, ký hiệu là CT15 ban hành kèm theo Thông tư này.
6. Thay thế biểu mẫu CT16 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước bằng biểu mẫu Sổ theo dõi tra cứu, khai thác tàng thư căn cước, cư trú, ký hiệu là CT16 ban hành kèm theo Thông tư này.
7. Bãi bỏ biểu mẫu túi hồ sơ cư trú, ký hiệu CT13 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA.
8. Bỏ cụm từ “trực thuộc Trung ương” tại Điều 7.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thông tin về nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, quê quán, dân tộc, tôn giáo trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước

1. Trường hợp thông tin về nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, quê quán trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước chưa có hoặc chưa đầy đủ địa danh hành chính cấp xã, cấp tỉnh thì cơ quan quản lý căn cước yêu cầu công dân cung cấp giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền cấp thể hiện đầy đủ các thông tin đó để thực hiện thu thập, cập nhật, điều chỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước. Thông tin về nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, quê quán được ghi theo thông tin trên giấy khai sinh; trường hợp địa danh hành chính có sự thay đổi thì ghi theo địa danh hành chính mới đã được thay đổi và có ghi chú thông tin gốc trên giấy khai sinh.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu do người dân cung cấp thể hiện không đầy đủ địa danh hành chính cấp xã, cấp tỉnh thì cơ quan quản lý căn cước đề nghị công dân cung cấp thông tin và có văn bản cam kết, chịu trách nhiệm đối với các thông tin về nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, quê quán đã cung cấp. Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý hộ tịch, cơ quan khác có liên quan kiểm tra, xác minh bảo đảm tính chính xác, thông nhất trước khi thu thập, cập nhật, điều chỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

2. Trường hợp thông tin về dân tộc, tôn giáo trên thẻ căn cước chưa có hoặc đã được thu thập nhưng công dân đề

ngập cập nhật, điều chỉnh thì cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 Luật Căn cước.

Thông tin dân tộc, tôn giáo được cập nhật, điều chỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước phải thuộc danh mục dân tộc, tôn giáo được cấp có thẩm quyền ban hành công nhận.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Trách nhiệm của Công an cấp xã

1. Thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin về công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; chuẩn hóa, số hóa, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; quản lý căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

2. Nắm tình hình, thống kê, rà soát công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch chưa được cấp thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

3. Tổ chức thực hiện công tác thu nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước; kiểm tra việc sử dụng thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước của công dân, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác thu thập, cập nhật, điều chỉnh, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và công tác cấp, quản lý căn cước trong phạm vi quản lý.

5. Báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác cấp, quản lý căn cước tại địa bàn quản lý về Công an cấp tỉnh.”.

3. Thay thế một số biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA như sau:

a) Thay thế biểu mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA bằng biểu mẫu Phiếu thu thập thông tin dân cư, ký hiệu DC01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thay thế biểu mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA bằng biểu mẫu Thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước, ký hiệu CC03 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bỏ cụm từ “trực thuộc Trung ương” tại Điều 17.

5. Bãi bỏ Điều 14.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công an các đơn vị, địa phương triển khai, thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C06.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang